

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 29/3/2018
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đăng Thành
2. Bà Lưu Thị Sen.

- Th- ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận - KSV.

Hôm nay ngày 29/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2017 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 15/3/2018 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Như A** - sinh năm 1996

Nơi ĐKNKTT: SN **C** phố **D**, TT. **E**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ **F**, TT. **G**, huyện **G**, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn B** - sinh năm 1993

Địa chỉ: SN **C** phố **D**, TT. **E**, huyện **E**, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh **B**, chị **A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 31/10/2017 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Vũ Văn B** xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. **E**, huyện **E** vào ngày 31/12/2015.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận không xảy ra mâu thuẫn gì, được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm và tính cách sống không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 12/2016

chị đã về bên ngoại ở phố 1, thị trấn **G**, huyện **G** sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhưng không mang lại kết quả gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn **B**.

Về con chung : Chị và anh **B** có 01 con chung: cháu Vũ Thành **H** - sinh ngày 31/10/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu ở với ông bà nội, chị có xuống đón cháu nhưng anh **B** và ông bà không cho chị đón. Ly hôn nguyện vọng của chị xin đ- ợc trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Hiện nay chị đang làm cùng với mẹ đẻ ở nhà và làm trang điểm, thu nhập bình quân hàng tháng là 15.000.000đ.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Vũ Văn **B** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng hiện tại.

Nay chị **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị **A**.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, Anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị **A** cấp d- ỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm ở Bệnh viện ngoài Hà Nội thu nhập hàng tháng là 40.000.000đ đến 50.000.000đ. Hàng tháng anh về thăm con vào cuối tuần.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng phố **D**, TT. **E** cung cấp như sau*: Anh **B**, chị **A** xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. **E**, huyện **E** vào ngày 31/12/2015.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuối năm 2016 chị **A** đã về bên ngoại ở phố 1, thị trấn **G**, huyện **G** sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai . Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ, nếu chị **A** cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Hiện nay cháu đang ở với ông bà nội ở phố **D**, TT. **E**. Theo phố năm được anh **B** đã xây dựng gia đình với người phụ nữ khác và đang sinh sống ở Hà Nội, thỉnh thoảng anh **B** mới về thăm bố mẹ và cháu. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết

định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ-ợc điều kiện về mọi mặt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ-ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ-ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ-a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ-ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như **A**.

Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm xin đ-ợc ly hôn anh **B**, anh **B** vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như **A** và anh Vũ Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị **A**, anh **B** thấy rằng: anh chị đều nại là quan điểm và tính cách sống không hợp nhau. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả gì. Từ tháng 12/2016 anh chị mỗi người một nơi và sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ-ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nay chị **A** có yêu cầu xin ly hôn, anh **B** cũng đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **A** và anh **B**.

[3]Về con chung: Anh chị có 01 con chung: cháu Vũ Thành **H** - sinh ngày 31/10/2013. Ly hôn nguyện vọng của anh chị đều xin đ-ợc trực tiếp nuôi con. Xét nguyện vọng của anh chị đều hoàn toàn chính đáng, nh-ng việc giao con cho ai nuôi phải dựa trên quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 15/3/2018, chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống trong thời kỳ hôn nhân cung cấp: Hiện nay anh **B** đã xây dựng gia đình với người phụ nữ khác và đang sinh sống ở Hà Nội, thỉnh thoảng anh **B** mới về thăm bố mẹ và cháu; còn chị **A** hiện nay đang ở cùng với gia đình nhà ngoại ở TT. **G**. Hiện nay chị làm cùng với mẹ đẻ ở nhà và làm trang điểm, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là khoảng 15.000.000đ/tháng, còn anh **B** tại thời điểm hiện nay tuy chưa ly hôn với chị **A** nhưng anh đã xây dựng gia đình với người phụ nữ

khác và đang sinh sống ở Hà Nội, do vậy yêu cầu của anh **B** không đủ cơ sở để chấp nhận. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu của chị **A**, giao cháu **H** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu đến tuổi thành niên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu **H**.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh **B**, chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh **B** phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Như **A** và anh Vũ Văn **B**.

2. Về con chung: Cháu Vũ Thành **H** - sinh ngày 31/10/2013 là con chung của chị Nguyễn Thị Như **A** và anh Vũ Văn **B**. Giao cháu **H** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị **A** mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu thành niên.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a, d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Như **A** phải chịu 300.000đ án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0003949 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, chị **A** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Anh **B** phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ.

Ngài đ- ợc thi hành án dân sự, ngài phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKS ND huyện **E**;
- Chi cục THA DS huyện **E**;
- UBND TT. **E**;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *TAND tỉnh Thanh hóa;*
- *Lưu hồ sơ.*

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

